

NGHỊ QUYẾT**HỘI NGHỊ TỈNH ỦY LẦN THỨ 4 KHÓA XX
về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội,
giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi**

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 13/10/2011; 05 năm thực hiện Kết luận số 31-KL/TU ngày 27/4/2016 của Tỉnh ủy và các chính sách của Trung ương về dân tộc, miền núi, kinh tế - xã hội ở các huyện miền núi của tỉnh đã có bước phát triển quan trọng. Tổng giá trị sản xuất năm 2020 (*tính theo giá so sánh 2010*) gấp 1,48 lần so với năm 2016, gấp 6,4 lần so với năm 2010. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10,22%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư phát triển. Phương thức sản xuất có bước tiến bộ; tình trạng du canh được xóa bỏ. Các tiềm lực về con người, tài nguyên từng bước được khơi dậy và phát huy giá trị. Hoạt động văn hóa, thông tin, công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Giáo dục và đào tạo tiếp tục được đổi mới. Kết quả giảm nghèo đạt khá (*tỷ lệ hộ nghèo của các huyện miền núi đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 22,01%, cận nghèo giảm còn 11,5% (theo chuẩn nghèo đa chiều)*). Thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo trên địa bàn các huyện miền núi đến cuối năm 2020 đạt 1,2 triệu đồng/người/tháng). Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số có bước được cải thiện. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được tăng cường. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố vững chắc.

Tuy nhiên, việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi vẫn còn nhiều hạn chế. Kinh tế các huyện miền núi phát triển chưa bền vững. Năng suất, chất lượng, giá trị nông sản còn thấp; kinh tế rừng chưa được phát huy đúng mức, phần lớn diện tích rừng trồng vẫn là cây keo. Công tác bảo vệ, phát triển rừng còn hạn chế, tình trạng tranh chấp đất lâm nghiệp, phá rừng, khai thác lâm sản trái phép ở một số nơi vẫn còn xảy ra. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chậm phát triển. Chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ. Chất lượng giáo dục, trình độ dân trí vẫn còn thấp; một số hộ tụt hậu vẫn còn tồn tại. Giảm nghèo chưa thật sự bền vững, đời sống của nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu sau: Kinh tế các huyện miền núi có xuất phát điểm thấp, thường bị tác động tiêu cực bởi thiên tai nên ảnh hưởng đến các hoạt động phát triển sản xuất và đời sống nhân dân. Cấp ủy, chính quyền ở các huyện miền núi

chưa quan tâm đúng mức đến công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng sản xuất cho người dân để vươn lên thoát nghèo. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương có mặt còn hạn chế, nhất là trong quy hoạch và quản lý quy hoạch. Việc giao đất, giao rừng còn bất cập, một số hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu đất sản xuất. Chưa có nhiều chính sách về phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi có tính đột phá để thu hút đầu tư; hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư thấp. Đa số người dân vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách trợ giúp của Nhà nước và cộng đồng, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và mọi người dân, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

1.2. Tập trung nâng cao dân trí người dân ở khu vực miền núi, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, đây là một trong những vấn đề cốt lõi để người dân thay đổi nhận thức, chủ động tích cực tham gia phát triển sản xuất, không trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo bền vững.

1.3. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội miền núi; trong đó nguồn lực nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác.

1.4. Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức miền núi, bảo đảm khả năng xây dựng, triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi.

1.5. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội là những nhân tố quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi.

2. Mục tiêu tổng quát

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của miền núi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện hiệu quả toàn diện các chính sách xã hội, chính sách dân tộc, cải thiện đời sống nhân dân, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của cả nước; bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phấn đấu đến năm 2025, có thêm 01 huyện miền núi thoát nghèo; giảm 50% số xã, thôn đặc biệt khó khăn; đến năm 2030 cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

3.1. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025: (1) Giá trị sản xuất giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 8 - 9%/năm; tỷ trọng nông nghiệp 33 - 34%, công nghiệp - xây dựng 42 - 43%, dịch vụ 24 - 25%. (2) Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020. (3) Có thêm 23 xã đạt chuẩn quốc gia về

nông thôn mới (*so với năm 2020*). (4) Độ che phủ rừng đạt 63%. (5) Số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt 99%. (6) Số hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 90%. (7) 30% trường mầm non, 45% trường tiểu học, 40% trường trung học cơ sở, 77% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố. (8) Số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 80 - 85%. (9) Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 15%. (10) Đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%. (11) 80% số xã, thị trấn có nhà văn hóa; 100% số thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng. (12) Hàng năm, giải quyết việc làm từ 5.000 - 6.000 lao động; tỷ lệ hộ nghèo giảm 4 - 4,5%/năm. (13) 95% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; trong đó, có 65% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện.

3.2. Các chỉ tiêu chủ yếu định hướng đến năm 2030: (1) Giá trị sản xuất giai đoạn 2026 - 2030 tăng bình quân 7 - 8 %/năm; tỷ trọng nông nghiệp 30%; công nghiệp - xây dựng 44%; dịch vụ 26%. (2) Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 thu nhập bình quân chung của cả nước. (3) Có thêm 20 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới (*so với năm 2025*). (4) Độ che phủ rừng đạt 67%. (5) 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp. (6) 95% số hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. (7) 35% trường mầm non, 48% trường tiểu học, 45% trường trung học cơ sở, 80% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. (8) 90 - 95% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. (9) Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 12%; (10) 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. (11) Hàng năm giải quyết việc làm từ 7.000 - 8.000 lao động. (12) Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3%/năm. (13) 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; trong đó, có 70% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh

Tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của cấp ủy và hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp. Tích cực tuyên truyền, vận động, tập hợp nhân dân thực hiện các phong trào thi đua yêu nước; không để các thế lực thù địch lôi kéo, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2. Khai thác và sử dụng hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để phát triển kinh tế bền vững

2.1. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội

- Phối hợp lập quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn các huyện miền núi phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết, phù hợp với tập quán sinh hoạt và sản xuất của người dân; tạo cơ sở để phân bố không gian

phát triển, thu hút các nguồn lực đầu tư. Tổ chức quản lý, thực hiện tốt các quy hoạch đã được phê duyệt, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh và các thành phần kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi. Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, hiệu quả thấp. Nghiên cứu có chính sách kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư, hỗ trợ nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm; hỗ trợ chế biến, tiêu thụ sản phẩm,...

2.2. Phát triển các ngành kinh tế

2.2.1. Tập trung phát triển nông nghiệp

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu. Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh phục vụ công nghiệp chế biến. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, nâng cao năng lực sản xuất của người dân; hỗ trợ người dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, các dịch vụ sản xuất. Khuyến khích phát triển kinh tế vườn, rừng; kinh tế trang trại, gia trại. Phân đầu giai đoạn 2021 – 2025, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng bình quân 4 - 5%/năm. Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp đến năm 2025 giảm còn 59%; đến năm 2030 giảm còn 50%.

- Tập trung phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với công nghiệp chế biến gỗ theo hướng xuất khẩu. Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp, nâng cao giá trị kinh tế rừng trồng, phát triển rừng trồng cây gỗ lớn có giá trị kinh tế cao, từng bước thay thế cây keo. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác giao đất, giao rừng cho dân sản xuất. Xây dựng chương trình cụ thể trồng các loại cây dược liệu dưới tán rừng.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào phát triển nông nghiệp, nâng cao giá trị, năng suất sản phẩm nông sản. Tập trung xây dựng và phát triển các mô hình hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp theo chuỗi giá trị, tạo đầu ra ổn định cho nông sản, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân.

2.2.2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến nông, lâm sản

Đẩy mạnh kêu gọi đầu tư, nhất là các lĩnh vực chế biến nông, lâm sản. Phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp với quy mô, trình độ công nghệ thích hợp, sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ. Khuyến khích, tạo điều kiện phục hồi, phát triển các làng nghề thủ công truyền thống gắn với sản xuất các sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu. Phát triển thủy điện và công nghiệp khai khoáng theo quy hoạch. Phân đầu giai đoạn 2021 – 2025, giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng bình quân 11 - 12%/năm. Tỷ lệ lao động trong khu vực công nghiệp khoảng 15 - 16% vào năm 2025.

2.2.3. Phát triển các ngành dịch vụ; chú trọng phát triển du lịch ở những nơi có điều kiện

- Thu hút đầu tư, phát triển các cơ sở thương mại, dịch vụ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng; đầu tư, nâng cấp các chợ trung tâm huyện và

chợ trung tâm xã hoạt động hiệu quả. Tăng cường xúc tiến thương mại, thúc đẩy liên kết trong tiêu thụ hàng hóa ở các huyện miền núi. Thực hiện tốt chính sách thương mại ưu đãi, cung ứng hàng hóa thiết yếu cho người dân. Phát triển các loại hình dịch vụ: tín dụng, thông tin - truyền thông, vận tải,... phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển các loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử,... gắn với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Trước mắt, thu hút đầu tư, xây dựng khu du lịch sinh thái Cà Đam, Nước Trong và các điểm du lịch sinh thái ở Ba Tơ, Trà Bồng, Minh Long,... Phân đầu trong giai đoạn 2021 – 2025, tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ bình quân 8 - 9%/năm. Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực dịch vụ khoảng 25% vào năm 2025.

2.3. Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng

- Tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng giao thông ở miền núi kết nối với các tuyến giao thông của tỉnh và quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phân đầu đến năm 2025, có 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên; xây dựng các trường phổ thông dân tộc bán trú tại các huyện miền núi. Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống các cơ sở y tế ở tuyến huyện và tuyến xã; xây dựng các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao, truyền thanh cơ sở, ưu tiên trước cho các vùng dân cư tập trung, khu vực có công nghiệp chế biến, có điểm du lịch. Tiếp tục xây dựng, nâng cấp, kiên cố các công trình thủy lợi, bảo đảm cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt.

- Phát triển hợp lý các đô thị miền núi. Phân đầu đến năm 2025, các huyện: Minh Long, Sơn Tây đều có thị trấn. Từng bước xây dựng thị trấn Di Lăng (huyện Sơn Hà), thị trấn Ba Tơ (huyện Ba Tơ), thị trấn Trà Xuân (huyện Trà Bồng) trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội vùng phía Tây của tỉnh.

3. Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa – xã hội

3.1. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới phương pháp dạy và học; nâng cao chất lượng dạy và học của trường dân tộc nội trú các huyện. Thực hiện tốt chế độ hỗ trợ kinh phí cho học sinh trong độ tuổi đi học, giảm thiểu tình trạng học sinh bỏ học. Đến năm 2025, tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đạt trên 97%, học trung học cơ sở đạt trên 95%, học trung học phổ thông đạt trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt trên 90%.

3.2. Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng Chương trình phát triển nguồn nhân lực cho vùng miền núi của tỉnh mang tính tổng thể, dài hạn. Quy hoạch, đào tạo, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số cho cả trước mắt và lâu dài; đảm bảo tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số trong tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định. Tập trung bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ các cấp; chú trọng đào tạo cán bộ, học sinh người dân tộc thiểu số gắn với vị trí việc làm. Luân

chuyển cán bộ trẻ, có năng lực về công tác tại các xã miền núi. Thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác ở miền núi; thực hiện tốt chính sách về tuyển dụng theo quy định của Trung ương đối với người dân tộc thiểu số. Tiếp tục dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ để đáp ứng yêu cầu công tác. Phân đầu đến năm 2025, có 100% cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã có trình độ đại học chuyên môn và trung cấp lý luận chính trị; 90% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học chuyên môn trở lên; 100% công chức cấp huyện đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động. Chú trọng đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Phân đầu đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 50%; đến năm 2030 đạt trên 55%. Hỗ trợ lao động tiếp cận thông tin thị trường lao động và nhu cầu tuyển dụng của các nhà máy, xí nghiệp ở Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh. Xây dựng Đề án hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030; phân đầu mỗi năm đưa 300 - 400 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

3.3. Nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em

Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho tuyến cơ sở, trong đó ưu tiên đầu tư cho các xã thực hiện sáp nhập, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân được khám, chữa bệnh. Nâng cao ý thức, trình độ và kỹ năng của đội ngũ y, bác sĩ, bảo đảm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngay từ tuyến cơ sở. Tăng cường đội ngũ y, bác sĩ có năng lực cho các cơ sở y tế cấp huyện, cấp xã. Đẩy mạnh công tác truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản cho đối tượng vị thành niên. Tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về tiêm chủng mở rộng; chú trọng phòng, chống các loại dịch bệnh, thanh toán các bệnh truyền nhiễm.

3.4. Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa; nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân; triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; nâng cao chất lượng gia đình, thôn, cơ quan văn hóa gắn với bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Kết hợp hài hòa giữa các giá trị văn hóa truyền thống với các giá trị văn hóa hiện đại; đồng thời bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, nghi kỵ cầm đồ thuốc độc.

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện đúng đắn các quan điểm, chủ trương, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc và tôn giáo; chăm lo xây dựng lực lượng nòng cốt, cốt cán, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; kịp thời phát hiện đấu tranh ngăn chặn các hoạt động tôn giáo trái pháp luật.

3.5. Đẩy mạnh công tác giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội

- Thực hiện toàn diện, đồng bộ và hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn miền

núi. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế, theo hướng tăng đầu tư gián tiếp, hạn chế hỗ trợ trực tiếp; tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho người dân. Thực hiện tốt việc giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư đối với từng dự án, chương trình, đề án thực hiện trên địa bàn các huyện miền núi.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo điều kiện thuận lợi để người dân khu vực miền núi cập nhật kiến thức, kỹ năng về sản xuất và tổ chức đời sống, sử dụng hiệu quả các điều kiện tại chỗ, các nguồn lực hỗ trợ từ Nhà nước và cộng đồng để sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững, xây dựng cuộc sống văn minh. Kịp thời tôn vinh, biểu dương những hộ vươn lên thoát nghèo; các tổ chức, cá nhân có đóng góp giúp đỡ các hộ thoát nghèo.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Nhà nước đối với người có công, bảo đảm có mức sống cao hơn mức trung bình chung của dân cư trong khu vực. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, an sinh xã hội; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người dân ở các huyện miền núi.

4. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng các loại khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên đất, nước. Nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, kinh doanh có khả năng gây ô nhiễm môi trường và làm biến đổi môi trường sinh thái.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động thực hiện có hiệu quả phương án phòng, chống bão, lũ, sạt lở núi; phòng, chống cháy rừng; thực hiện đánh giá mức độ an toàn của hệ thống đập thủy lợi, hồ chứa nước. Huy động nguồn vốn đầu tư từ các chương trình mục tiêu để thực hiện các dự án thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra.

5. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh hiệu quả với âm mưu "diễn biến hòa bình", lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch. Thường xuyên tuyên truyền, thông tin để người dân hiểu rõ đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh; tăng cường quản lý các tuyến giáp ranh với các tỉnh. Bổ sung và triển khai phương án phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc trong mọi tình huống.

- Thực hiện tốt phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc". Rà soát, kiện toàn, củng cố lực lượng công an, dân quân tự vệ xã, tổ an ninh nhân dân và lực lượng nòng cốt, cốt cán của các đoàn thể, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm hoạt động gắn kết đồng bộ, phối hợp tốt trong việc nắm tình hình vận động quần chúng; kịp thời xử lý hiệu quả những vấn đề phức tạp nảy sinh, không để xảy ra điểm nóng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền và phổ biến Nghị quyết cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh; chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền nội dung Nghị quyết và thông tin kịp thời kết quả thực hiện Nghị quyết ở các ngành, các cấp.

2. Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn tổ chức quán triệt nội dung Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Huyện ủy các huyện miền núi, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao tuyên truyền, phổ biến, xây dựng chương trình hành động hoặc kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh thể chế hóa và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hoàn chỉnh Đề án về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 để triển khai thực hiện; xây dựng các quy hoạch, kế hoạch cụ thể, bố trí nguồn lực phù hợp để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết; tham mưu cho Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

5. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; kịp thời báo cáo, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy những vấn đề cần lãnh đạo, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (báo cáo)
- Ban Bí thư (báo cáo),
- Các ban đảng Trung ương (báo cáo),
- Vụ Địa phương, VPTW Đảng (báo cáo),
- Vụ Địa phương, Ban Kinh tế TW (báo cáo),
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- C, PCVPTU; P. Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Bùi Thị Quỳnh Vân